

Bản án số: 05/2025/DS-ST

Ngày: 10-01-2025

V/v: tranh chấp hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Kim Thị Hồng Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trang Thị Cẩm Nhuận

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Thạch Thị Minh Châu, là Thư Ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 59/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2023, về việc: tranh chấp hợp đồng góp hui, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-DS ngày 07/11/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2024/QĐST-DS ngày 29/11/2024 và Thông báo dời ngày xét xử số: 04/TB-TA, ngày 20/12/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thạch Thị Chanh Đ, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Đề nghị xét xử vắng mặt

- *Bị đơn:* Bà Thạch Thị M, sinh năm 1963. Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Sơn Thị Sa R, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

Ông Thạch Ngọc Th, sinh năm 1961. Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

Bà Thạch Thị H, sinh năm 1963. Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

Bà Thạch Thị Ph, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

Bà Thạch Thị H, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

Bà Thạch Thị Ch, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

Bà Thạch Thị C, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

Bà Thạch Thị Th, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

Bà Thạch Thị Na R, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

Bà Thạch Thị Sa R, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

Bà Thạch Thị Ph, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

Bà Thạch Thị Mười, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp Ô Trao, xã Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Bà Thạch Thị L, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

Bà Huỳnh Thị Sa M, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

Bà Thạch Thị X, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

Bà Dương Thị D, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

Bà Nàng S, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

Bà Thạch Thị Tr, sinh năm 1959. Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

Bà Thạch Thị Ph, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

Ông Thạch V, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

Bà Thạch Thị Ánh Ng, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

Bà Thạch Thị Th, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

Ông Thạch Th, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp Ô Trao, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

Bà Sơn Thị H, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

Bà Trần Thị H, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

Bà Thạch Thị Hoanh N, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

Bà Thạch Thị Sa B, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

Bà Thạch Thị Kim L, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

Bà Sơn Thị Sa R, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

Bà Sơn Thị Sa V, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

Bà Thạch Thị C, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp Qui Nông B, xã Hòa L, huyện Châu Th, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

- *Tại đơn khởi kiện ngày 17/8/2022 (dây hội loại 3.000.000đ/phần), lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thạch Thị Chanh Đ trình bày, yêu cầu:*

Trong năm 2020 dl, bà có mở nhiều dây hội do bà làm đầu thảo, thỏa thuận bằng lời nói, không làm văn bản nhưng có giao danh sách hội cho các hội viên, hình thức khai hội là hội viên nào bỏ thăm cao nhất thì hốt hội, sau khi hốt hội đầu thảo đi gom tiền hội của các hội viên. Trong đó: gồm các dây hội khai ngày 19/02/2020 dl, loại hội 3.000.000đ/phần, gồm 15 hội viên, lần khai hội đầu tiên vào ngày 19/02/2020 dl, sau đó nửa tháng khai 01 lần, thỏa thuận đầu thảo hưởng hoa hồng 900.000đ/lần khai hội, bà Thạch Thị M tham gia 22 dây, gồm các dây 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 14, 16, 17, 26, 28, 33, 34 và 52. Cụ thể:

Dây 01, bà M tham gia 01 phần, hốt lần khai thứ 06, kêu 2.090.000đ, hốt được 22.290.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hội cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hội bà M đóng hội chết đến lần khai thứ 07, từ lần khai thứ 08 bà úp hội (bể hội) nên không khai, số tiền của các hội viên sống đã đóng là 08 phần x 910.000đ = 7.280.000đ, nay bà yêu cầu bà M trả tiền hội sống 7.280.000đ này theo đơn khởi kiện.

Dây 02, bà M tham gia 01 phần, hốt lần khai thứ 07, kêu 1.890.000đ, hốt được 25.980.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hội cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền, từ lần khai thứ 08 bà úp hội (bể hội) nên không khai, số tiền của các hội viên sống đã đóng là 08 phần x 1.110.000đ = 8.880.000đ, nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hội sống 05 phần x 1.110.000đ = 5.550.000đ cho 05 hội viên, số tiền còn lại đối với 03 hội viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 03, bà M tham gia 01 phần, hốt lần khai thứ 03, kêu 1.770.000đ, hốt được 19.860.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hội cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hội bà M đóng hội chết đến lần khai thứ 07, từ lần khai thứ 08 bà úp hội (bể hội) nên không khai, số tiền của các hội viên sống đã đóng là 08 phần x 1.230.000đ = 9.840.000đ, nay bà chỉ yêu cầu bà M trả

tiền hội sống 07 phần  $\times 1.230.000đ = 8.610.000đ$  cho 07 hội viên, số tiền còn lại đối với 01 hội viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 04, bà M tham gia 01 phần, hót lần khai thứ 02, kêu 1.890.000đ, hót được 16.530.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hội cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hót hội bà M đóng hội chết đến lần khai thứ 07, từ lần khai thứ 08 bà úp hội (bể hội) nên không khai, số tiền của các hội viên sống đã đóng là 08 phần  $\times 1.110.000đ = 8.880.000đ$ , nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hội sống 06 phần  $\times 1.110.000đ = 6.660.000đ$  cho 06 hội viên, số tiền còn lại đối với 02 hội viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 05, bà M tham gia 01 phần, hót lần khai thứ 04, kêu 2.390.000đ, hót được 14.810.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hội cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hót hội bà M đóng hội chết đến lần khai thứ 07, từ lần khai thứ 08 bà úp hội (bể hội) nên không khai, số tiền của các hội viên sống đã đóng là 08 phần  $\times 610.000đ = 4.880.000đ$ , nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hội sống 06 phần  $\times 610.000đ = 3.660.000đ$  cho 06 hội viên, số tiền còn lại đối với 02 hội viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 06, bà M tham gia 01 phần, hót lần khai thứ 05, kêu 2.250.000đ, hót được 18.600.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hội cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hót hội bà M đóng hội chết đến lần khai thứ 07, từ lần khai thứ 08 bà úp hội (bể hội) nên không khai, số tiền của các hội viên sống đã đóng là 08 phần  $\times 750.000đ = 3.750.000đ$ , nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hội sống 05 phần  $\times 750.000đ = 3.750.000đ$  cho 05 hội viên, số tiền còn lại đối với 03 hội viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 07, bà M tham gia 01 phần, hót lần khai thứ 05, kêu 2.190.000đ, hót được 19.300.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hội cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hót hội bà M đóng hội chết đến lần khai thứ 07, từ lần khai thứ 08 bà úp hội (bể hội) nên không khai, số tiền của các hội viên sống đã đóng là 08 phần  $\times 810.000đ = 6.480.000đ$ , nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hội sống 07 phần  $\times 810.000đ = 5.670.000đ$  cho 07 hội viên, số tiền còn lại đối với 01 hội viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 08, bà M tham gia 01 phần, hót lần khai thứ 04, kêu 2.390.000đ, hót được 14.810.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hội cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hót hội bà M đóng hội chết đến lần khai thứ 07, từ lần khai thứ 08 bà úp hội (bể hội) nên không khai, số tiền của các hội viên sống đã đóng là 08 phần  $\times 610.000đ = 4.880.000đ$ , nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hội sống 05 phần  $\times 610.000đ = 3.050.000đ$  cho 05 hội viên, số tiền còn lại đối với 03 hội viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 09, bà M tham gia 01 phần, hót lần khai thứ 01, kêu 900.000đ, hót được 25.500.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hội cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hót hội bà M đóng hội chết đến lần khai thứ 07, từ lần khai thứ 08 bà úp hội (bể hội) nên không khai, số tiền của các hội viên sống đã đóng là 08 phần  $\times 2.100.000đ = 16.800.000đ$ , nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hội sống 07 phần  $\times 2.100.000đ = 14.700.000đ$  cho 07 hội viên, số tiền còn lại đối với 01 hội viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 10, bà M tham gia 01 phần, hót lần khai thứ 01, kê 900.000đ, hót được 25.500.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hội cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hót hội bà M đóng hội chết đến lần khai thứ 07, từ lần khai thứ 08 bà úp hội (bể hội) nên không khai, số tiền của các hội viên sống đã đóng là 08 phần  $\times 2.100.000đ = 16.800.000đ$ , nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hội sống 06 phần  $\times 2.100.000đ = 12.600.000đ$  cho 06 hội viên, số tiền còn lại đối với 02 hội viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 11, bà M tham gia 01 phần, hót lần khai thứ 01, kê 1.690.000đ, hót được 27.580.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hội cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hót hội bà M đóng hội chết đến lần khai thứ 07, từ lần khai thứ 08 bà úp hội (bể hội) nên không khai, số tiền của các hội viên sống đã đóng là 08 phần  $\times 1.310.000đ = 10.480.000đ$ , nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hội sống 05 phần  $\times 1.310.000đ = 6.550.000đ$  cho 05 hội viên, số tiền còn lại đối với 03 hội viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 12, bà M tham gia 01 phần, hót lần khai thứ 02, kê 1.890.000đ, hót được 16.530.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hội cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hót hội bà M đóng hội chết đến lần khai thứ 07, từ lần khai thứ 08 bà úp hội (bể hội) nên không khai, số tiền của các hội viên sống đã đóng là 08 phần  $\times 1.110.000đ = 8.880.000đ$ , nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hội sống 04 phần  $\times 1.110.000đ = 4.440.000đ$  cho 04 hội viên, số tiền còn lại đối với 04 hội viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 13, bà M tham gia 01 phần, hót lần khai thứ 04, kê 2.390.000đ, hót được 14.810.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hội cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hót hội bà M đóng hội chết đến lần khai thứ 07, từ lần khai thứ 08 bà úp hội (bể hội) nên không khai, số tiền của các hội viên sống đã đóng là 08 phần  $\times 610.000đ = 4.880.000đ$ , nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hội sống 07 phần  $\times 610.000đ = 4.270.000đ$  cho 07 hội viên, số tiền còn lại đối với 01 hội viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 14, bà M tham gia 01 phần, hót lần khai thứ 06, kê 2.060.000đ, hót được 22.560.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hội cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hót hội bà M đóng hội chết đến lần khai thứ 07, từ lần khai thứ 08 bà úp hội (bể hội) nên không khai, số tiền của các hội viên sống đã đóng là 08 phần  $\times 940.000đ = 7.520.000đ$ , nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hội sống 06 phần  $\times 940.000đ = 5.640.000đ$  cho 06 hội viên, số tiền còn lại đối với 02 hội viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 16, bà M tham gia 01 phần, hót lần khai thứ 05, kê 2.200.000đ, hót được 19.100.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hội cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hót hội bà M đóng hội chết đến lần khai thứ 07, từ lần khai thứ 08 bà úp hội (bể hội) nên không khai, số tiền của các hội viên sống đã đóng là 08 phần  $\times 800.000đ = 6.400.000đ$ , nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hội sống 04 phần  $\times 800.000đ = 3.200.000đ$  cho 04 hội viên, số tiền còn lại đối với 04 hội viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 17, bà M tham gia 01 phần, hót lần khai thứ 03, kê 1.670.000đ, hót được 21.060.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hội cho bà M nhận, không

có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 07, từ lần khui thứ 08 bà úp hụi (bể hụi) nên không khui, số tiền của các hụi viên sống đã đóng là 08 phần  $\times 1.330.000đ = 10.460.000đ$ , nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hụi sống 07 phần  $\times 1.330.000đ = 9.310.000đ$  cho 07 hụi viên, số tiền còn lại đối với 01 hụi viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 19, bà M tham gia 01 phần, hốt lần khui thứ 06, kêu 1.990.000đ, hốt được 23.100.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 07, từ lần khui thứ 08 bà úp hụi (bể hụi) nên không khui, số tiền của các hụi viên sống đã đóng là 08 phần  $\times 1.010.000đ = 8.080.000đ$ , nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hụi sống 05 phần  $\times 1.010.000đ = 5.050.000đ$  cho 05 hụi viên, số tiền còn lại đối với 03 hụi viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 26, bà M tham gia 01 phần, hốt lần khui thứ 05, kêu 2.150.000đ, hốt được 19.600.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 07, từ lần khui thứ 08 bà úp hụi (bể hụi) nên không khui, số tiền của các hụi viên sống đã đóng là 08 phần  $\times 850.000đ = 6.800.000đ$ , nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hụi sống 06 phần  $\times 850.000đ = 5.100.000đ$  cho 06 hụi viên, số tiền còn lại đối với 02 hụi viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 28, bà M tham gia 01 phần, hốt lần khui thứ 03, kêu 1.650.000đ, hốt được 21.300.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 07, từ lần khui thứ 08 bà úp hụi (bể hụi) nên không khui, số tiền của các hụi viên sống đã đóng là 08 phần  $\times 1.350.000đ = 10.800.000đ$ , nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hụi sống 07 phần  $\times 1.350.000đ = 9.450.000đ$  cho 07 hụi viên, số tiền còn lại đối với 01 hụi viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 33, bà M tham gia 01 phần, hốt lần khui thứ 04, kêu 2.310.000đ, hốt được 15.960.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 07, từ lần khui thứ 08 bà úp hụi (bể hụi) nên không khui, số tiền của các hụi viên sống đã đóng là 08 phần  $\times 690.000đ = 5.520.000đ$ , nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hụi sống 04 phần  $\times 690.000đ = 2.760.000đ$  cho 04 hụi viên, số tiền còn lại đối với 04 hụi viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 34, bà M tham gia 01 phần, hốt lần khui thứ 07, kêu 1.790.000đ, hốt được 26.780.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 07, từ lần khui thứ 08 bà úp hụi (bể hụi) nên không khui, số tiền của các hụi viên sống đã đóng là 08 phần  $\times 1.210.000đ = 9.680.000đ$ , nay bà yêu cầu bà M trả tiền hụi sống 9.680.000đ này theo đơn khởi kiện.

Dây 52, bà M tham gia 01 phần, hốt lần khui thứ 05, kêu 2.000.000đ, hốt được 21.100.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 07, từ lần khui thứ 08 bà úp hụi (bể hụi) nên không khui, số tiền của các hụi viên

sống đã đóng là 08 phần  $\times 1.000.000đ = 8.000.000đ$ , nay bà yêu cầu bà M trả tiền hội sống  $8.000.000đ$  này theo đơn khởi kiện.

- *Tại đơn khởi kiện ngày 17/8/2022 (dây hội loại 5.000.000đ/phần), lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thạch Thị Chanh Đ trình bày, yêu cầu:*

Trong năm 2019, bà có mở nhiều dây hội do bà làm đầu thảo, thỏa thuận bằng lời nói, không làm văn bản nhưng có giao danh sách hội cho các hội viên, hình thức khai hội là hội viên nào bỏ thăm cao nhất thì hốt hội, sau khi hốt hội đầu thảo đi gom tiền hội của các hội viên. Trong đó: gồm các dây hội khai ngày 30/11/2019 dl, loại hội 5.000.000đ/phần, gồm 16 hội viên, lần khai hội đầu tiên vào ngày 30/11/2019 dl, sau đó nửa tháng khai 01 lần, thỏa thuận đầu thảo hưởng hoa hồng 1.500.000đ/lần khai hội, bà Thạch Thị Mẫn tham gia 27 dây, 29 phần gồm: Dây 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 14, 15, 16, 17, 18, 20, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32.

Dây 01, bà Thạch Thị M tham gia 01 phần, hốt lần khai thứ 06, kêu 3.150.000đ, hốt được 42.000.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hội cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hội bà M đóng hội chết đến lần khai thứ 13, từ lần khai thứ 14 bà úp hội (bể hội) nên không khai, số tiền của các hội viên sống đã đóng là 03 phần  $\times 1.850.000đ = 5.550.000đ$ , nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hội sống 02 phần  $\times 1.850.000đ = 3.700.000đ$  cho 02 hội viên, số tiền còn lại đối với 01 hội viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 02, bà Thạch Thị M tham gia 01 phần, hốt lần khai thứ 10, kêu 3.600.000đ, hốt được 51.900.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hội cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hội bà M đóng hội chết đến lần khai thứ 13, từ lần khai thứ 14 bà úp hội (bể hội) nên không khai, số tiền của các hội viên sống đã đóng là 03 phần  $\times 1.400.000đ = 4.200.000đ$ , nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hội sống 02 phần  $\times 1.400.000đ = 2.800.000đ$  cho 02 hội viên, số tiền còn lại đối với 01 hội viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 03, bà Thạch Thị M tham gia 01 phần, hốt lần khai thứ 11, kêu 3.580.000đ, hốt được 55.600.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hội cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hội bà M đóng hội chết đến lần khai thứ 13, từ lần khai thứ 14 bà úp hội (bể hội) nên không khai, số tiền của các hội viên sống đã đóng là 03 phần  $\times 1.420.000đ = 4.260.000đ$ , nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hội sống 01 phần  $\times 1.420.000đ = 1.420.000đ$  cho 01 hội viên, số tiền còn lại đối với 02 hội viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 04, bà Thạch Thị M tham gia 01 phần, hốt lần khai thứ 06, kêu 2.500.000đ, hốt được 41.000.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hội cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hội bà M đóng hội chết đến lần khai thứ 13, từ lần khai thứ 14 bà úp hội (bể hội) nên không khai, số tiền của các hội viên sống đã đóng là 03 phần  $\times 2.500.000đ = 7.500.000đ$ , nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hội sống 02 phần  $\times 2.500.000đ = 5.000.000đ$  cho 02 hội viên, số tiền còn lại đối với 01 hội viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 05, bà Thạch Thị M tham gia 03 phần, hốt lần khai thứ 04 (phần 1), kêu 2.500.000đ, hốt được 43.500.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hội

cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền; hốt lần khai thứ 11 (phần 2), kêu 3.700.000đ, hốt được 55.000.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hui cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền; hốt lần khai thứ 12 (phần 3), kêu 3.350.000đ, hốt được 60.100.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hui cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hui bà M đóng hui chết đến lần khai thứ 17, từ lần khai thứ 18 bà úp hui (bể hui) nên không khai, số tiền của các hui viên sống đã đóng của 03 phần hui là 16.350.000đ (7.500.000đ + 3.900.000đ + 4.950.000đ), nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hui sống của 03 phần hui là 5.450.000đ (2.500.000đ + 1.300.000đ + 1.650.000đ) cho 01 hui viên, số tiền còn lại đối với 03 hui viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 06, bà Thạch Thị M tham gia 01 phần, hốt lần khai thứ 06, kêu 3.360.000đ, hốt được 60.060.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hui cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hui bà M đóng hui chết đến lần khai thứ 13, từ lần khai thứ 14 bà úp hui (bể hui) nên không khai, số tiền của các hui viên sống đã đóng là 03 phần x 1.640.000đ = 4.920.000đ, nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hui sống 02 phần x 1.640.000đ = 3.280.000đ cho 02 hui viên, số tiền còn lại đối với 01 hui viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 07: bà Thạch Thị M tham gia 01 phần, hốt lần khai thứ 05, kêu 2.500.000đ, hốt được 46.000.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hui cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hui bà M đóng hui chết đến lần khai thứ 13, từ lần khai thứ 14 bà úp hui (bể hui) nên không khai, số tiền của các hui viên sống đã đóng là 03 phần x 2.500.000đ = 7.500.000đ, nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hui sống 01 phần x 2.500.000đ = 2.500.000đ cho 01 hui viên, số tiền còn lại đối với 02 hui viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 08, bà Thạch Thị M tham gia 01 phần, hốt lần khai thứ 08, kêu 3.760.000đ, hốt được 43.420.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hui cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hui bà M đóng hui chết đến lần khai thứ 13, từ lần khai thứ 14 bà úp hui (bể hui) nên không khai, số tiền của các hui viên sống đã đóng là 03 phần x 1.240.000đ = 3.720.000đ, nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hui sống 02 phần x 1.240.000đ = 2.480.000đ cho 02 hui viên, số tiền còn lại đối với 01 hui viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 09, bà Thạch Thị M tham gia 01 phần, hốt lần khai thứ 10, kêu 3.600.000đ, hốt được 51.900.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hui cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hui bà M đóng hui chết đến lần khai thứ 13, từ lần khai thứ 14 bà úp hui (bể hui) nên không khai, số tiền của các hui viên sống đã đóng là 03 phần x 1.400.000đ = 4.200.000đ, nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hui sống 02 phần x 1.400.000đ = 2.800.000đ cho 02 hui viên, số tiền còn lại đối với 01 hui viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 11, bà Thạch Thị M tham gia 01 phần, hốt lần khai thứ 05, kêu 2.500.000đ, hốt được 46.060.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hui cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hui bà M đóng hui chết đến lần khai thứ 13, từ lần khai thứ 14 bà úp hui (bể hui) nên không khai, số tiền của các hui viên sống đã đóng là 03 phần x 2.500.000đ = 7.500.000đ, nay bà chỉ

yêu cầu bà M trả tiền hội sống 02 phần  $\times 2.500.000đ = 5.000.000đ$  cho 02 hội viên, số tiền còn lại đối với 01 hội viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 14, bà Thạch Thị M tham gia 01 phần, hốt lần khai thứ 08, kêu 3.790.000đ, hốt được 43.180.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hội cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hội bà M đóng hội chết đến lần khai thứ 13, từ lần khai thứ 14 bà úp hội (bể hội) nên không khai, số tiền của các hội viên sống đã đóng là 03 phần  $\times 1.210.000đ = 3.630.000đ$ , nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hội sống 02 phần  $\times 1.210.000đ = 2.420.000đ$  cho 02 hội viên, số tiền còn lại đối với 01 hội viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 15, bà Thạch Thị M tham gia 01 phần, hốt lần khai thứ 10, kêu 3.600.000đ, hốt được 51.900.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hội cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hội bà M đóng hội chết đến lần khai thứ 13, từ lần khai thứ 14 bà úp hội (bể hội) nên không khai, số tiền của các hội viên sống đã đóng là 03 phần  $\times 1.400.000đ = 4.200.000đ$ , nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hội sống 02 phần  $\times 1.400.000đ = 2.800.000đ$  cho 02 hội viên, số tiền còn lại đối với 01 hội viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 16, bà Thạch Thị M tham gia 01 phần, hốt lần khai thứ 12, kêu 3.200.000đ, hốt được 61.070.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hội cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hội bà M đóng hội chết đến lần khai thứ 13, từ lần khai thứ 14 bà úp hội (bể hội) nên không khai, số tiền của các hội viên sống đã đóng là 03 phần  $\times 1.800.000đ = 5.400.000đ$ , nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hội sống 01 phần  $\times 1.800.000đ = 1.800.000đ$  cho 01 hội viên, số tiền còn lại đối với 02 hội viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 17, bà Thạch Thị M tham gia 01 phần, hốt lần khai thứ 02, kêu 2.500.000đ, hốt được 38.500.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hội cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hội bà M đóng hội chết đến lần khai thứ 13, từ lần khai thứ 14 bà úp hội (bể hội) nên không khai, số tiền của các hội viên sống đã đóng là 03 phần  $\times 2.500.000đ = 7.500.000đ$ , nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hội sống 02 phần  $\times 2.500.000đ = 5.000.000đ$  cho 02 hội viên, số tiền còn lại đối với 01 hội viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 18, bà Thạch Thị M tham gia 01 phần, hốt lần khai thứ 06, kêu 3.160.000đ, hốt được 60.860.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hội cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hội bà M đóng hội chết đến lần khai thứ 13, từ lần khai thứ 14 bà úp hội (bể hội) nên không khai, số tiền của các hội viên sống đã đóng là 03 phần  $\times 1.840.000đ = 5.520.000đ$ , nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hội sống 02 phần  $\times 1.840.000đ = 3.680.000đ$  cho 02 hội viên, số tiền còn lại đối với 01 hội viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 20, bà Thạch Thị M tham gia 01 phần, hốt lần khai thứ 01, kêu 1.500.000đ, hốt được 51.000.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hội cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hội bà M đóng hội chết đến lần khai thứ 13, từ lần khai thứ 14 bà úp hội (bể hội) nên không khai, số tiền của các hội viên sống đã đóng là 03 phần  $\times 3.500.000đ = 10.500.000đ$ , nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hội sống 02 phần  $\times 3.500.000đ = 7.000.000đ$  cho 02 hội viên, số tiền còn lại của 01 hội viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 22, bà Thạch Thị M tham gia 01 phần, hốt lần khai thứ 01, kêu 1.500.000đ, hốt được 51.000.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hui cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hui bà M đóng hui chết đến lần khai thứ 13, từ lần khai thứ 14 bà úp hui (bể hui) nên không khai, số tiền của các hui viên sống đã đóng là 03 phần  $\times 3.500.000đ = 10.500.000đ$ , nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hui sống 01 phần  $\times 3.500.000đ = 3.500.000đ$  cho 01 hui viên, số tiền còn lại của 02 hui viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 23, bà Thạch Thị M tham gia 01 phần, hốt lần khai thứ 03, kêu 2.500.000đ, hốt được 41.000.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hui cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hui bà M đóng hui chết đến lần khai thứ 13, từ lần khai thứ 14 bà úp hui (bể hui) nên không khai, số tiền của các hui viên sống đã đóng là 03 phần  $\times 2.500.000đ = 7.500.000đ$ , nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hui sống 01 phần  $\times 2.500.000đ = 2.500.000đ$  cho 01 hui viên, số tiền còn lại đối với 02 hui viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 24, bà Thạch Thị M tham gia 01 phần, hốt lần khai thứ 02, kêu 2.500.000đ, hốt được 38.500.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hui cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hui bà M đóng hui chết đến lần khai thứ 13, từ lần khai thứ 14 bà úp hui (bể hui) nên không khai, số tiền của các hui viên sống đã đóng là 03 phần  $\times 2.500.000đ = 7.500.000đ$ , nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hui sống 02 phần  $\times 2.500.000đ = 5.000.000đ$  cho 02 hui viên, số tiền còn lại đối với 01 hui viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 25, bà Thạch Thị M tham gia 01 phần, hốt lần khai thứ 06, kêu 3.590.000đ, hốt được 37.600.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hui cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hui bà M đóng hui chết đến lần khai thứ 13, từ lần khai thứ 14 bà úp hui (bể hui) nên không khai, số tiền của các hui viên sống đã đóng là 03 phần  $\times 1.410.000đ = 4.230.000đ$ , nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hui sống 02 phần  $\times 1.410.000đ = 2.820.000đ$  cho 02 hui viên, số tiền còn lại đối với 01 hui viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 26, bà Thạch Thị M tham gia 01 phần, hốt lần khai thứ 09, kêu 3.730.000đ, hốt được 47.390.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hui cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hui bà M đóng hui chết đến lần khai thứ 13, từ lần khai thứ 14 bà úp hui (bể hui) nên không khai, số tiền của các hui viên sống đã đóng là 03 phần  $\times 1.270.000đ = 3.810.000đ$ , nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hui sống 02 phần  $\times 1.270.000đ = 2.540.000đ$  cho 02 hui viên, số tiền còn lại đối với 01 hui viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 27, bà Thạch Thị M tham gia 01 phần, hốt lần khai thứ 07, kêu 3.720.000đ, hốt được 43.740.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hui cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hui bà M đóng hui chết đến lần khai thứ 13, từ lần khai thứ 14 bà úp hui (bể hui) nên không khai, số tiền của các hui viên sống đã đóng là 03 phần  $\times 1.280.000đ = 3.840.000đ$ , nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hui sống 01 phần  $\times 1.280.000đ = 1.280.000đ$  cho 01 hui viên, số tiền còn lại đối với 02 hui viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 28, bà Thạch Thị M tham gia 01 phần, hốt lần khai thứ 13, kêu 3.660.000đ, hốt được 62.520.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hui cho bà

M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 13, từ lần khui thứ 14 bà úp hụi (bể hụi) nên không khui, số tiền của các hụi viên sống đã đóng là 03 phần  $\times 1.340.000đ = 4.020.000đ$ , nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hụi sống 02 phần  $\times 1.340.000đ = 2.680.000đ$  cho 02 hụi viên, số tiền còn lại đối với 01 hụi viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 29, bà Thạch Thị M tham gia 01 phần, hốt lần khui thứ 07, kêu 3.670.000đ, hốt được 40.740.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 13, từ lần khui thứ 14 bà úp hụi (bể hụi) nên không khui, số tiền của các hụi viên sống đã đóng là 03 phần  $\times 1.330.000đ = 3.990.000đ$ , nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hụi sống 02 phần  $\times 1.330.000đ = 2.660.000đ$  cho 02 hụi viên, số tiền còn lại đối với 01 hụi viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 30, bà Thạch Thị M tham gia 01 phần, hốt lần khui thứ 07, kêu 3.670.000đ, hốt được 40.740.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 13, từ lần khui thứ 14 bà úp hụi (bể hụi) nên không khui, số tiền của các hụi viên sống đã đóng là 03 phần  $\times 1.330.000đ = 3.990.000đ$ , nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hụi sống 02 phần  $\times 1.330.000đ = 2.660.000đ$  cho 02 hụi viên, số tiền còn lại đối với 01 hụi viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

Dây 31, bà Thạch Thị M tham gia 01 phần, hốt lần khui thứ 08, kêu 3.710.000đ, hốt được 43.820.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 13, từ lần khui thứ 14 bà úp hụi (bể hụi) nên không khui, số tiền của các hụi viên sống đã đóng là 03 phần  $\times 1.290.000đ = 3.870.000đ$ , nay bà yêu cầu bà M trả tiền hụi sống 3.870.000đ này theo đơn khởi kiện.

Dây 32, bà Thạch Thị M tham gia 01 phần, hốt lần khui thứ 08, kêu 2.500.000đ, hốt được 46.000.000đ đã trừ huê hồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà M nhận, không có làm biên nhận nhận tiền. Sau khi hốt hụi bà M đóng hụi chết đến lần khui thứ 13, từ lần khui thứ 14 bà úp hụi (bể hụi) nên không khui, số tiền của các hụi viên sống đã đóng là 03 phần  $\times 2.500.000đ = 7.500.000đ$ , nay bà chỉ yêu cầu bà M trả tiền hụi sống 02 phần  $\times 2.500.000đ = 5.000.000đ$  cho 02 hụi viên, số tiền còn lại đối với 01 hụi viên tại đơn khởi kiện, thì bà rút yêu cầu.

*Tại Quyết định số: 17/2023/QĐ-TA ngày 20/3/2024, xét thấy cần nhập hai vụ án đã thụ lý riêng biệt có cùng yêu cầu khởi kiện đối với cùng một cá nhân (bị đơn), căn cứ vào Điều 42 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã nhập hai vụ án để giải quyết chung trong cùng một vụ án.*

Như vậy, tổng số tiền hụi bà Chanh Đ yêu cầu bà M trả trong dây hụi khui ngày 19/02/2020 dl, loại hụi 3.000.000đ/phần là 143.160.000 đồng và trong dây hụi khui ngày 30/11/2019 dl, loại hụi 5.000.000đ/phần là 91.640.000 đồng, cộng hai khoản 234.800.000đ. Đối với số tiền còn lại chênh lệch so với đơn khởi kiện ban đầu 45.240.000đ (trong dây hụi khui ngày 19/02/2020 dl, loại hụi 3.000.000đ/phần) và 71.560.000đ (trong dây hụi khui ngày 30/11/2019 dl, loại hụi 5.000.000đ/phần) bà yêu cầu rút lại và bà không yêu cầu tiền lãi hụi. Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn bà Thạch Thị M đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên không có lời khai trình bày, không có yêu cầu phản tố và cũng không có văn bản phản đối.

*Phát biểu của Kiểm sát viên:*

*Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án đối với thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng phía nguyên đơn chấp hành có mặt theo các thông báo, triệu tập và có đề nghị xét xử vắng mặt, riêng bị đơn thì vắng mặt không lý do.

*Về việc giải quyết vụ án:* Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, qua phân tích, đánh giá toàn diện các tài liệu, chứng cứ, Vị Kiểm sát viên cho rằng: theo đơn khởi kiện ban đầu nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền hội trong đây hội 3.000.000đ/phần là 188.400.000đ và trong đây hội 5.000.000đ/phần là 163.200.000đ, nhưng quá trình giải quyết vụ án do các hội viên tham gia chung chỉ xác nhận một phần, với số tiền là 145.160.000đ (đây hội 3.000.000đ/phần) và số tiền 91.640.000đ (đây hội 5.000.000đ/phần), đối với tiền hội chưa có xác nhận của các hội viên tham gia chung bà yêu cầu rút lại.

Nhận thấy, sự xác nhận của một số hội viên cùng tham gia chung là đúng nên đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Chanh Đ, buộc bị đơn bà M trả cho bà Chanh Đ tiền hội tổng cộng: 234.800.000đ, trong đó: loại hội 3.000.000đ/phần là 143.160.000đ và loại hội 5.000.000đ/phần là 91.640.000đ. Đối với phần mà nguyên đơn rút lại của hai đây hội 43.420.000đ (loại hội 3.000.000đ/phần) và 71.560.000đ (loại hội 5.000.000đ/phần), không yêu cầu trả thì đề nghị đình chỉ xét xử theo quy định; về án phí đề nghị buộc bị đơn chịu toàn bộ và trả lại tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo quy định.

**Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Không có.**

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Sự vắng mặt tại phiên tòa của bị đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vắng mặt đến lần thứ hai không lý do, không đề nghị xét xử vắng mặt hoặc vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan, đối với nguyên đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại thì có đề nghị xét xử vắng mặt. Nhận thấy, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đương sự theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, căn cứ vào điều 227, 228 và điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tại đơn khởi kiện của bà Chanh Đ ngày 17/8/2022, bà yêu cầu bà M trả tiền hội tổng cộng 351.600.000đ, là tiền hội sống của các hội viên mà bà M đã hót nhưng không đóng lại của các đây hội khai ngày 19/02/2020 dl (loại hội 3.000.000đ/phần), với số tiền 188.400.000đ và trong đây hội khai ngày 30/11/2019 dl (loại hội 5.000.000đ/phần), với số tiền 163.200.000đ. Nhận thấy:

qua các lời trình bày của bà Chanh Đ và xác nhận của các hội viên cùng tham gia trong các dây hội, các danh sách hội viên tham gia và kết quả giải quyết một số vụ án có liên quan các dây hội thể hiện bà Mẫn còn thiếu tiền hội bà Chanh Đ của dây hội khai ngày 19/02/2020 dl (loại hội 3.000.000đ/phần), số tiền 143.160.000đ và của dây hội khai ngày 30/11/2019 dl (loại hội 5.000.000đ/phần), số tiền 91.640.000đ (bút lục từ 55 – 81 và từ lúc lục 104 – 204). Qua đó có cơ sở xác định việc bà Chanh Đ làm đầu thảo hội và có sự tham gia của các hội viên trong đó có bà M trong các dây hội nêu trên là có thật, đối với bà M vắng mặt tại các phiên tòa không lý do và bà không có đưa ra yêu cầu phản tố hặc văn bản phản đối về yêu cầu khởi kiện của bà Chanh Đ, nên có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Chanh Đ đối với tiền hội 143.160.000đ và 91.640.000đ là đúng quy định, cộng hai khoản bằng 234.800.000 đồng.

[3] Đối với số tiền chênh lệch so với đơn khởi kiện ban đầu 45.240.000đ (loại hội 3.000.000đ/phần) và 71.560.000đ (loại hội 5.000.000đ/phần) nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu. Nhận thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện này là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội và có lợi cho bị đơn nên có căn cứ đình chỉ xét xử theo điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự và đương sự không phải chịu tiền án phí phần đã rút, đương sự được quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[4] Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử như nêu trên, nên có căn cứ chấp nhận

[5] Về án phí: căn cứ vào điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và **điều 26 của** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định, buộc bị đơn chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nguyên đơn không phải chịu án phí và được trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên ;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường và khoản 2 điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.**

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị Chanh Đ.**

Buộc bà Thạch Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Thạch Thị Chanh Đ tổng số tiền 234.800.000đ (*bằng chữ*: hai trăm ba mươi bốn triệu, tám trăm nghìn đồng). Trong đó:

+ Số tiền 143.160.000 đồng, là của dây hui khui ngày 19/02/2020 dl (loại hui 3.000.000đ/phần).

+ Số tiền 91.640.000 đồng, là của dây hui khui ngày 30/11/2019 dl (loại hui 5.000.000đ/phần).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (tất cả các khoản tiền) theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với số tiền 116.800.000đ (*bằng chữ*: một trăm mười sáu triệu, tám trăm nghìn đồng) mà nguyên đơn rút yêu cầu, đương sự được quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

### 3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Thạch Thị M có nghĩa vụ chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 11.740.000 đồng.

Trả lại bà Thạch Thị Chanh Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.710.000 đồng, theo biên lai thu tiền số : 0011551 ngày 20/10/2022 và tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.080.000đ, theo biên lai thu tiền số : 0011650 ngày 20/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

#### Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Kim Thị Hồng Nga**